

Bản án số: 23/2025/DS-ST
Ngày 29/9/2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
có cầm cố tài sản; hợp đồng mượn tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Sâm

Bà Mai Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; hợp đồng mượn tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 128 Nguyễn Du, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal Napat – Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàn Tâm – Chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần Sawad Tiền Có Ngay (theo Giấy ủy quyền số 236/2023/UQ-SVN ngày 25/10/2023) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Từ Tâm 2, xã Ninh Phước, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm: 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Hộ Diêm, xã Xuân Hải, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hoàn Tâm trình bày:

Vào ngày 09/12/2023, ông Nguyễn Đình T có đến Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay (Gọi tắt là Công ty SAWAD) chi nhánh Phan Rang 2 để ký hợp đồng số P2M231202007NA18X cầm cố tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WINNER màu đen mang biển số 85C1-315.76, số khung: RLHKC2605GY330019, số máy: KC26E1175994, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 018117, do Công an huyện Ninh Hải cấp ngày 03/5/2018, để vay số tiền 13.930.000 đồng, lãi suất 1.1%/tháng trên dư nợ thực tế, lãi suất quá hạn 150% mức lãi suất cầm cố, thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ ngày 09/12/2023 đến ngày 09/12/2024), phương thức thanh toán theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng thanh toán vào ngày 09 với số tiền gốc và lãi là: 1.285.071,15 đồng.

Thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay đã giải ngân cho ông Nguyễn Đình T số tiền 13.930.000 đồng; đồng thời, Công ty đã nhận bảo đảm số tiền cầm cố trên bằng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WINNER màu đen mang biển số 85C1-315.76, đăng ký tên chủ xe Nguyễn Đình T.

Cùng ngày, do không có phương tiện đi lại nên ông Nguyễn Đình T đã ký Giấy mượn xe với Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay để mượn lại chiếc xe 85C1-315.76 đã được cầm cố, thời hạn mượn là 30 ngày (từ ngày 09/12/2023 đến ngày 09/01/2024), địa điểm trả xe là Chi nhánh Ninh Thuận Phan Rang 2 của Công ty, phí bảo dưỡng và hao mòn xe là: 696.500 đồng/ tháng (nếu ông T thanh toán đúng hạn phí bảo dưỡng và hao mòn xe là: 348.250 đồng/ tháng), phí thu hồi, xử lý tài sản cầm cố: 1.000.000 đồng. Công ty SAWAD đồng ý và đã giao tài sản cầm cố là chiếc xe cho ông T quản lý, sử dụng trong thời hạn nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vào ngày 09/01/2024, ông T đã thanh toán cho Công ty SAWAD số tiền 1.634.000 đồng (Trong đó: tiền gốc 1.602.191 đồng; tiền lãi 153.230 đồng; phí quản lý hồ sơ 69.650 đồng; phí bảo dưỡng hao mòn 348.071 đồng). Ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 10/01/2024, do ông T không thực hiện việc thanh toán nên Công ty SAWAD đã áp dụng lãi suất quá hạn trên dư nợ thực tế đối với khoản vay của ông T. Công ty SAWAD đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và cử nhân viên đến gặp trực tiếp ông Nguyễn Đình T yêu cầu ông thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố đã ký hoặc bàn giao tài sản cầm cố đã mượn lại của Công ty nhưng ông T đều lẩn tránh, không hợp tác.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tòa án giải quyết:

- Yêu cầu ông Nguyễn Đình T phải giao trả lại chiếc xe hiệu HONDA WINNER màu đen mang biển số 85C1-315.76, số khung:

RLHKC2605GY330019, số máy: KC26E1175994 đã cầm cố mà ông Tiên mượn lại của Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay.

- Trường hợp ông Nguyễn Đình T không thể trả lại xe cầm cố thì phải có nghĩa vụ thanh toán cả gốc lẫn lãi và các loại phí tới thời điểm hiện tại thông qua hợp đồng cầm cố tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu buộc ông T phải giao trả lại chiếc xe hiệu HONDA WINNER màu đen mang biển số 85C1-315.76, phí phạt trễ hạn, phí mượn xe và phí quản lý hồ sơ.

Giữ nguyên yêu cầu buộc ông Nguyễn Đình T có nghĩa vụ thanh toán cả gốc lẫn lãi, tại thời điểm hiện tại thông qua hợp đồng cầm cố tài sản với khoản tiền tạm tính đến ngày 29/9/2025 là: 16.876.482 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 12.867.808 đồng, Nợ lãi trong hạn 1.1%/Tháng: 871.731 đồng, Lãi quá hạn 150%: 3.136.943 đồng). Buộc ông Nguyễn Đình T phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Đình T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Khánh Hòa đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông T không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

- Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

- Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại chiếc xe máy đã cầm cố, phí quản lý hồ sơ và phí phạt trễ hạn, phí mượn xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Ông Nguyễn Đình T cầm cố xe máy cho công ty Sawad để nhận tiền, sau đó lập giấy mượn xe đã cầm cố để dùng làm phương tiện đi lại. Như vậy, bản chất của giao dịch dân sự lập “Hợp đồng cầm cố” và “Giấy mượn xe” giữa Công ty sawad và ông T là để che đậy mục đích thực sự là “Vay tiền”. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là: “Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản” và “Hợp đồng mượn tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn cư trú tại xã Xuân Hải, tỉnh Khánh Hoà nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Khánh Hoà theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt). Bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[1.3] Về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện:

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Đình T giao trả lại chiếc xe máy biển số: 85C1-315.76 đã mượn, phí quản lý hồ sơ và phạt trễ hạn, phí mượn xe. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên của nguyên đơn.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng: Ngày 09/12/2023, ông Nguyễn Đình T có ký với Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay Chi nhánh Ninh Thuận - Phan Rang 2 Phiếu đăng ký cầm cố xe máy; hợp đồng cầm cố số P2M231202007NA18X (kèm theo phụ lục hợp đồng cầm cố); thông qua Hợp đồng, Công ty cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay đã giải ngân cho ông T số tiền: 13.930.000 đồng và Công ty nhận bảo đảm khoản tiền vay đã giải ngân thông qua việc cầm cố chiếc xe hiệu HONDA WINNER màu đen mang biển số 85C1-315.76, số khung: RLHKC2605GY330019, số máy: KC26E1175994 do ông T đứng tên chủ sở hữu. Đồng thời, ông T có ký giấy mượn lại chiếc xe nêu trên và được phía Công ty chấp nhận.

Xét thấy, Hợp đồng cầm cố và mượn xe được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung hợp đồng cầm cố:

Công ty Cổ phần SAWAD có đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ; tại khoản 4 Điều 3 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định “*Kinh doanh dịch vụ cầm đồ, gồm: Kinh doanh dịch vụ cho vay tiền mà người vay tiền phải có tài sản hợp pháp mang đến cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ để cầm cố*”.

Điều 309 của Bộ luật Dân sự quy định “*Cầm cố tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên cầm cố) giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia (sau đây là gọi là bên nhận cầm cố) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ*”.

Công ty SAWAD và ông T giao kết hợp đồng cầm cố tài sản số P2M231202007NA18X, tại Điều 2 của hợp đồng quy định: “*SVN đồng ý nhận tài sản cầm cố của Khánh hàng và cho Khách hàng cầm cố số tiền là 13.930.000 đồng*”.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định: Mặc dù hình thức của hợp đồng số P2M231202007NA18X là hợp đồng cầm cố tài sản nhưng nội dung của hợp đồng là thỏa thuận về việc Công ty SAWAD cho ông T vay số tiền 13.930.000 đồng và việc ông T cầm cố chiếc xe HONDA WINNER màu đen mang biển số 85C1-315.76 cho Công ty SAWAD thông qua hợp đồng này là phương thức bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ đã vay; Nội dung hợp đồng có thỏa thuận về mức lãi suất 1,1%/ tháng, lãi chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn và các loại phí khác, các khoản thu này được tính theo mức %/tháng/dư nợ thực tế; cho thấy, công ty SAWAD đã dùng nhiều thuật ngữ khác nhau để tính lãi, phí và phạt hợp đồng nhằm mục đích thu lãi từ việc cho vay và việc ông T cầm cố xe máy để nhận tiền và viết giấy mượn lại xe để dùng làm phương tiện đi lại thực chất là để che đậy mục đích giao dịch thật sự giữa hai bên là vay tiền có tính lãi. Vì vậy, có cơ sở xác định hợp đồng giữa các bên là: Hợp đồng vay có cầm cố tài sản và hợp đồng mượn tài sản.

Công ty SAWAD đã giải ngân đủ số tiền cho ông Nguyễn Đình T theo Hợp đồng số P2M231202007NA18X ngày 09/12/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T chỉ thanh toán được một phần tiền cho nguyên đơn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 và Điều 311 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, Công ty khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đình T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 12.867.808 đồng là phù hợp, nên chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Theo nội dung của Hợp đồng số P2M231202007NA18X ngày 09/12/2023, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày 09/12/2023 đến ngày 09/12/2024, lãi suất cố định là 1.1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; lãi quá hạn tương ứng 150% lãi suất trong hạn. Hàng tháng ông T có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và lãi là 1.285.071,15 đồng. Ông T đã thanh toán được số tiền 1.634.000 đồng cho Công ty mà không có ý kiến hay khiếu nại gì. Kể từ ngày 09/02/2024, ông T đã không thực hiện đúng và đủ nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận trong hợp đồng cho Công ty SAWAD; do vậy kể từ ngày từ ngày 09/02/2024 Công ty đã chuyển

sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Số tiền dư nợ gốc và lãi còn lại mà ông T chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay tính đến ngày 29/9/2025 là 16.876.482 đồng (Trong đó, nợ gốc: 12.867.808 đồng; nợ lãi trong hạn: 871.731 đồng; lãi quá hạn: 3.136.943 đồng). Căn cứ khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì yêu cầu tính lãi của Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay là phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Về xử lý tài sản cầm cố: Tại phụ lục hợp đồng cầm cố (kèm theo Hợp đồng cầm cố số P2M231202007NA18X ngày 09/12/2023) có quy định về việc xử lý tài sản cầm cố nhưng do nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các phân tích như trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay về việc buộc ông Nguyễn Đình T phải trả số tiền nợ vay tính đến ngày 29/9/2025 là 16.876.482 đồng (Trong đó, nợ gốc: 12.867.808 đồng; nợ lãi trong hạn: 871.731 đồng; lãi quá hạn: 3.136.943 đồng). Ông T còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2.3] Đối với hợp đồng mượn xe: Do nguyên đơn rút lại yêu cầu Tòa án buộc ông T trả lại xe và buộc ông Tiên trả phí hao mòn xe nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Nguyễn Đình T tham gia tố tụng hợp lệ nhưng ông T vắng mặt. Do đó, ông T đã tự bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp với những nhận định trên nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 280, 309, 310, 311, 316, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay.

Buộc ông Nguyễn Đình T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 16.876.482 đồng (Trong đó, nợ gốc: 12.867.808 đồng; nợ lãi trong hạn: 871.731 đồng; lãi quá hạn: 3.136.943 đồng).

Kể từ ngày 30/9/2025, ông Nguyễn Đình T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Về xử lý tài sản cầm cố: Công ty Cổ phần SAWAD Tiền có ngay không yêu cầu giải quyết.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Sawad Tiền Có Ngay về việc yêu cầu ông Nguyễn Đình T phải giao trả lại chiếc xe máy, biển số: 85C1-315.76 cho Công ty, phí phạt trễ hạn, phí mượn xe và phí quản lý hồ sơ.

3. Về án phí:

3.1. Ông Nguyễn Đình T phải chịu: 844.000 đồng (*Tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng – đã làm tròn*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền 430.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 20 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa)

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 6;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hải

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Sâm

Mai Thị Hà

Lê Hoàng Hải